

BẢN SAO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN VINALINES LOGISTICS – VIỆT NAM

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH.
Số chứng thực: 8 6 6 8 Quyển số: 0 2 SCT/BS

Ngày: 14-07-2015



PHÓ CHỦ TỊCH

Trịnh Văn Hiếu

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Vinalines Logistics – Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) là đơn vị thành viên thuộc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103018983 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 10 tháng 8 năm 2007.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được 10 lần cấp bổ sung các Giấy phép về thay đổi mã số doanh nghiệp, thay đổi danh sách cổ đông sáng lập và công bố các thông tin về các chi nhánh của Công ty.

<i>Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần 10:</i>		<i>142.121.300.000 VND</i>
Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam – Công ty TNHH Một thành viên	80.616.200.000	56
Các cổ đông khác	61.505.100.000	44
Cộng	142.121.300.000	100

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Phòng R05, lầu 4, Tòa nhà Ocean Park, số 01 Đào Duy Anh, Hà Nội
 Điện thoại : (84.4) 35 772 047/048
 Fax : (84.4) 35 772 046
 E-mail : info@vinalineslogistics.com.vn
 Mã số thuế : 0 1 0 2 3 4 5 2 7 5

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vinalines Logistics – Việt Nam tại Hải Phòng	Số 142, Đường bao Trần Hưng Đạo, Phường Đông Hải 1, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vinalines Logistics – Việt Nam tại Quảng Ninh	Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vinalines Logistics – Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh	37 Hoàng Diệu, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vinalines Logistics – Việt Nam tại Lào Cai	Lô F9-F10 Cụm Công nghiệp Đông Phố Mới, Phường Phố Mới, Thành phố Lào Cai, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Dịch vụ tư vấn cho khách hàng về việc vận chuyển, giao nhận, lưu kho và các dịch vụ khác liên quan đến hàng hóa;
- Cho thuê phương tiện, thiết bị chuyên dùng để bốc xếp, bảo quản và vận chuyển hàng hóa;
- Vận tải đa phương thức; vận tải hàng hóa, container, hàng hóa siêu trường, siêu trọng bằng đường bộ, đường sắt, đường biển;

- Dịch vụ kiểm đếm hàng hóa, dịch vụ môi giới hàng hải, dịch vụ đại lý container, dịch vụ đại lý vận tải đường biển, đường bộ, đường sắt, đường hàng không;
- Dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ khai thuê hải quan, giao nhận hàng hóa nội địa, hàng hóa xuất nhập khẩu, kho bãi và lưu giữ hàng hóa, lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan, kho đông lạnh và các kho khác, bốc xếp hàng hóa, dịch vụ Logistics;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu hàng hóa, môi giới thương mại, đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 37).

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>	<i>Ngày miễn nhiệm</i>
Ông Mai Lê Lợi	Chủ tịch	04 tháng 6 năm 2012	
Ông Trương Văn Thái	Ủy viên	04 tháng 6 năm 2012	
Ông Hoàng Hoa Phòng	Ủy viên	04 tháng 6 năm 2012	
Bà Nguyễn Thị Thanh Hà	Ủy viên	04 tháng 6 năm 2012	
Ông Phạm Tiến Dũng	Ủy viên	04 tháng 6 năm 2012	25 tháng 4 năm 2014
Ông Lương Đình Minh	Ủy viên	25 tháng 4 năm 2014	

Ban kiểm soát

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>
Bà Nguyễn Thị Hiền	Trưởng ban	04 tháng 6 năm 2012
Bà Vũ Thị Thanh Duyên	Thành viên	04 tháng 6 năm 2012
Ông Lê Quảng Đức	Thành viên	04 tháng 6 năm 2012

Ban Tổng Giám đốc

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>
Ông Mai Lê Lợi	Tổng Giám đốc	03 tháng 8 năm 2007
Ông Nguyễn Việt Anh	Phó Tổng Giám đốc	24 tháng 8 năm 2012
Ông Phạm Bá Ngân	Phó Tổng Giám đốc	06 tháng 01 năm 2011
Ông Phạm Thành Giang	Phó Tổng Giám đốc	19 tháng 3 năm 2013

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.


Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính giữa niên độ; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vinalines Logistics – Việt Nam tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Tổng Giám đốc 



Mai Lê Lợi

Ngày 14 tháng 02 năm 2015



**BAKER TILLY
A&C**

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.



Headquarters : 2 Truong Son St., W. 2, Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số 32/2015/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN VINALINES LOGISTICS – VIỆT NAM**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vinalines Logistics - Việt Nam, được lập ngày 14 tháng 02 năm 2015, từ trang 07 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

001:
I NH
ÔNG
NHIE
ĐAN
A &
A H
ĐA

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vinalines Logistics - Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Hoàng Đức - Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0368-2013-008-1

Phạm Quang Huy - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1409-2013-008-1

Hà Nội, ngày 14 tháng 02 năm 2015

002
NH
TY
HỮU
HẠN
C
NỘI
TP.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINALINES LOGISTICS - VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng R05, lầu 4, Tòa nhà Ocean Park, số 01 Đào Duy Anh, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		161.979.597.569	61.019.983.205
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	13.343.365.239	3.649.634.034
1. Tiền	111		13.343.365.239	3.649.634.034
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		10.000.000.000	1.053.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	10.000.000.000	1.053.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		84.408.956.175	35.853.587.357
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	66.403.236.403	33.347.778.362
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	3.413.613.201	1.743.163.053
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	14.592.106.571	762.645.942
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
1. Hàng tồn kho	141		-	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		54.227.276.155	20.463.761.814
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		10.232.135.062	7.308.393.370
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		34.159.454	1.081.316
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.6	43.960.981.639	13.154.287.128



CÔNG TY CỔ PHẦN VINALINES LOGISTICS - VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng R05, lầu 4, Tòa nhà Ocean Park, số 01 Đào Duy Anh, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		146.864.960.238	140.246.633.169
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		142.972.725.370	129.763.559.575
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	91.653.154.343	31.899.791.038
<i>Nguyên giá</i>	222		110.531.348.484	45.223.524.175
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(18.878.194.141)	(13.323.733.137)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.8	51.319.571.027	97.863.768.537
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		2.687.403.229	3.538.499.410
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.9	6.032.820.000	6.032.820.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.10	1.000.000.000	1.000.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.11	(4.345.416.771)	(3.494.320.590)
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.204.831.639	6.944.574.184
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	454.831.639	244.574.184
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.13	750.000.000	6.700.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		308.844.557.807	201.266.616.374

CÔNG TY CỔ PHẦN VINALINES LOGISTICS - VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng R05, lầu 4, Tòa nhà Ocean Park, số 01 Đào Duy Anh, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		148.776.279.921	43.231.082.302
I. Nợ ngắn hạn	310		136.540.106.006	43.231.082.302
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.14	52.121.404.016	7.525.087.266
2. Phải trả người bán	312	V.15	71.521.657.473	22.108.507.887
3. Người mua trả tiền trước	313	V.16	681.894.928	755.655.639
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.17	1.270.417.359	1.282.221.229
5. Phải trả người lao động	315		3.837.956.949	3.388.516.739
6. Chi phí phải trả	316	V.18	-	83.496.979
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.19	7.106.775.281	8.087.596.563
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.20	-	-
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		12.236.173.915	-
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.21	12.236.173.915	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		160.068.277.886	158.035.534.072
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	160.068.277.886	158.035.534.072
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		142.121.300.000	142.121.300.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		(500.000.000)	(500.000.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		6.484.173.826	5.169.293.338
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.460.162.178	1.340.162.178
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		55.403.505	213.833.068
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		10.447.238.377	9.690.945.488
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		308.844.557.807	201.266.616.374

CÔNG TY CỔ PHẦN VINALINES LOGISTICS - VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng R05, lầu 4, Tòa nhà Ocean Park, số 01 Đào Duy Anh, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Số cuối năm		Số đầu năm	
1. Tài sản thuê ngoài			-		-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			-		-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			-		-
4. Nợ khó đòi đã xử lý			-		-
5. Ngoại tệ các loại:					
Dollar Mỹ (USD)			11.527,27		15.360,57
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			-		-

Người lập biểu

Nguyễn Thị Kim Ngân

Phụ trách kế toán

Trần Thị Loan

Lập ngày 14 tháng 02 năm 2015



Mai Lê Lợi

CÔNG TY CỔ PHẦN VINALINES LOGISTICS - VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng R05, lầu 4, Tòa nhà Ocean Park, số 01 Đào Duy Anh, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	2.262.163.275.333	5.916.412.550.425
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		2.262.163.275.333	5.916.412.550.425
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	2.239.003.541.213	5.895.158.566.511
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		23.159.734.120	21.253.983.914
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	625.469.565	506.123.019
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	3.863.589.478	4.406.790.692
Trong đó: chi phí lãi vay	23		3.012.493.297	302.362.642
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	6.399.574.483	5.853.529.463
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		13.522.039.724	11.499.786.778
11. Thu nhập khác	31	VI.6	600.000	129.522.304
12. Chi phí khác	32		-	4.950.424
13. Lợi nhuận khác	40		600.000	124.571.880
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		13.522.639.724	11.624.358.658
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.17	3.075.401.347	3.288.364.496
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>10.447.238.377</u>	<u>8.335.994.162</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	<u>738</u>	<u>589</u>

Người lập biểu



Nguyễn Thị Kim Ngân

Phụ trách kế toán



Trần Thị Loan

Lập ngày 14 tháng 02 năm 2015


 Công Giám đốc
 M.S.D.N: 010234589
 CÔNG TY CỔ PHẦN
 VINALINES LOGISTICS
 VIỆT NAM
 Q. ĐÔNG ĐÀ - TP. HÀ NỘI

Mai Lê Lợi

CÔNG TY CỔ PHẦN VINALINES LOGISTICS - VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng R05, lầu 4, Tòa nhà Ocean Park, số 01 Đào Duy Anh, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		365.113.553.367	291.376.050.200
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(304.633.222.536)	(268.756.880.702)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(15.408.559.790)	(10.634.089.681)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(3.095.990.276)	(218.865.663)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	V.17	(3.149.502.813)	(4.348.258.418)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		84.648.153.247	79.468.797.354
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(133.651.734.775)	(66.953.440.859)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>		<u><i>(10.177.303.576)</i></u>	<u><i>19.933.312.231</i></u>
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(19.959.430.884)	(12.858.593.839)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(10.000.000.000)	(1.053.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		1.053.000.000	5.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	779.166.667
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>		<u><i>(28.906.430.884)</i></u>	<u><i>(8.132.427.172)</i></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VINALINES LOGISTICS - VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng R05, lầu 4, Tòa nhà Ocean Park, số 01 Đào Duy Anh, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31			-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		138.743.556.704	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(81.911.066.039)	(6.949.832.472)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(8.055.025.000)	(6.002.164.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<u>48.777.465.665</u>	<u>(12.951.996.472)</u>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		9.693.731.205	(1.151.111.413)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	3.649.634.034	4.800.745.447
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	<u>13.343.365.239</u>	<u>3.649.634.034</u>

Người lập biểu



Nguyễn Thị Kim Ngân

Phụ trách kế toán



Trần Thị Loan

Lập ngày 14 tháng 02 năm 2015



Mai Lê Lợi

CÔNG TY CỔ PHẦN VINALINES LOGISTICS – VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng R05, lầu 4, Tòa nhà Ocean Park, số 01 Đào Duy Anh, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn : Công ty Cổ phần
2. Lĩnh vực kinh doanh : Dịch vụ, thương mại
3. Ngành nghề kinh doanh :

Kinh doanh xuất nhập khẩu hàng hóa, môi giới thương mại, đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa.

Vận tải đa phương thức; vận tải hàng hóa, container, hàng hóa siêu trường, siêu trọng bằng đường bộ, đường sắt, đường biển.

4. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 Công ty có 158 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 119 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ngày 22 tháng 12 năm 2014 Bộ Tài chính đã ban hành các thông tư sau:

- Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/209/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.
- Thông tư số 202/2014/TT-BTC về hướng dẫn lập Báo cáo tài chính hợp nhất thay thế cho các hướng dẫn liên quan đến lập Báo cáo tài chính hợp nhất tại Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINALINES LOGISTICS – VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng R05, lầu 4, Tòa nhà Ocean Park, số 01 Đào Duy Anh, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các quy định của các thông tư này được áp dụng cho việc ghi sổ, lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2015 trở đi.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

4. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10
Máy móc và thiết bị	3-20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6-10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3-8

CÔNG TY CỔ PHẦN VINALINES LOGISTICS – VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng R05, lầu 4, Tòa nhà Ocean Park, số 01 Đào Duy Anh, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

6. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

7. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các Năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

8. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

9. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

10. Trợ cấp thôi việc

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương bình quân làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 Công ty phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp Công ty không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINALINES LOGISTICS – VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng R05, lầu 4, Tòa nhà Ocean Park, số 01 Đào Duy Anh, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

12. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

13. Trích lập các quỹ

Mức trích lập các quỹ được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22%.

15. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2013 : 21.036 VND/USD

31/12/2014 : 21.246 VND/USD

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINALINES LOGISTICS – VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng R05, lầu 4, Tòa nhà Ocean Park, số 01 Đào Duy Anh, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều năm tài chính thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

17. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dùng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá mua cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

18. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINALINES LOGISTICS – VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng R05, lầu 4, Tòa nhà Ocean Park, số 01 Đào Duy Anh, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

19. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINALINES LOGISTICS – VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng R05, lầu 4, Tòa nhà Ocean Park, số 01 Đào Duy Anh, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	2.809.231.477	1.414.983.923
Tiền gửi ngân hàng	10.534.133.762	2.234.650.111
Cộng	<u>13.343.365.239</u>	<u>3.649.634.034</u>

2. Đầu tư ngắn hạn

Là khoản tiền gửi có kỳ hạn 1 năm tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lào Cai. Khoản tiền này được dùng ký quỹ để Công ty thực hiện hoạt động kinh doanh tạm nhập tái xuất theo quy định của Nhà nước.

3. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu khách hàng nội địa	50.162.145.873	16.142.622.050
Phải thu khách hàng chuyển khẩu	16.241.090.530	16.334.058.617
Phải thu khách lẻ	-	871.097.695
Cộng	<u>66.403.236.403</u>	<u>33.347.778.362</u>

4. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ứng trước cho các hãng tàu	1.806.510.809	-
Ứng trước cho các nhà cung cấp khác	1.607.102.392	1.743.163.053
Cộng	<u>3.413.613.201</u>	<u>1.743.163.053</u>

5. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế xuất nhập khẩu hàng tạm nhập tái xuất phải thu	138.099.000	-
Bảo hiểm phải thu lại của cơ quan bảo hiểm	16.681.671	-
Chi phí làm hàng chi hộ khách hàng	13.057.276.743	-
Các khoản phải thu bảo hiểm bồi thường vật chất	279.475.481	-
Lãi tiền gửi có kỳ hạn dự thu	450.000.000	16.789.500
Quỹ khen thưởng phúc lợi chi thừa phải thu lại	641.372.679	681.524.679
Các khoản phải thu khác	9.200.997	64.331.763
Cộng	<u>14.592.106.571</u>	<u>762.645.942</u>

6. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	12.897.312.220	7.237.902.278
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	31.063.669.419	5.916.384.850
Cộng	<u>43.960.981.639</u>	<u>13.154.287.128</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VINALINES LOGISTICS – VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng R05, lầu 4, Tòa nhà Ocean Park, số 01 Đào Duy Anh, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền đẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	746.643.775	23.193.350.825	20.508.039.112	775.490.463	45.223.524.175
Tăng từ xây dựng cơ bản dở dang	45.468.360.603	-	-	-	45.468.360.603
Tăng do mua sắm mới	-	-	19.707.413.706	132.050.000	19.839.463.706
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số cuối năm	46.215.004.378	23.193.350.825	40.215.452.818	907.540.463	110.531.348.484
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	365.696.965	3.077.989.700	9.691.891.973	188.154.499	13.323.733.137
Khấu hao trong năm	2.089.772.594	1.296.010.452	2.081.458.920	87.219.038	5.554.461.004
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số cuối năm	2.455.469.559	4.374.000.152	11.773.350.893	275.373.537	18.878.194.141
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	380.946.810	20.115.361.125	10.816.147.139	587.335.964	31.899.791.038
Số cuối năm	43.759.534.819	18.819.350.673	28.442.101.925	632.166.926	91.653.154.343
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của các Ngân hàng với nguyên giá và giá trị còn lại như sau:

Thế chấp tại ngân hàng	Khoản vay	Nguyên giá	Giá trị còn lại
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh Đông Đô	Ngắn hạn	18.092.977.860	10.529.074.960
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam Chi nhánh Thanh Xuân	Dài hạn	34.261.851.016	32.785.404.742
Ngân hàng TMCP Quốc tế	Dài hạn	8.116.902.028	8.116.902.028
Cộng		60.471.730.904	51.431.381.730

CÔNG TY CỔ PHẦN VINALINES LOGISTICS – VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng R05, lầu 4, Tòa nhà Ocean Park, số 01 Đào Duy Anh, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác (*)	Số cuối năm
Mua sắm TSCĐ	-	-	-	-	-
XDCB dở dang	97.863.768.537	119.967.178	45.468.360.603	1.195.804.085	51.319.571.027
<i>Dự án Cảng Cái Lân</i>	<i>29.594.070.178</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>110.526.459</i>	<i>29.483.543.719</i>
<i>Dự án Cảng nội địa ICD Lào Cai</i>	<i>67.930.799.511</i>	<i>119.967.178</i>	<i>45.468.360.603</i>	<i>962.123.882</i>	<i>21.620.282.204</i>
<i>Dự án kho tại khu công nghệ cao Láng Hòa Lạc</i>	<i>338.898.848</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>123.153.744</i>	<i>215.745.104</i>
Sửa chữa lớn TSCĐ	-	-	-	-	-
Cộng	97.863.768.537	119.967.178	45.468.360.603	1.195.804.085	51.319.571.027

(*) Điều chỉnh giảm chi phí của nhà thầu theo quyết toán.

9. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 011022001584 ngày 09 tháng 5 năm 2012 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Vinalines Honda Logistics Việt Nam 20.609.400.000 VND, tương đương 49% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 6.032.820.000 VND, tương đương 14% vốn điều lệ (số đầu năm là 6.032.820.000 VND, tương đương 14% vốn điều lệ). Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty TNHH Vinalines Honda Logistics là 14.576.580.000 VND.

10. Đầu tư dài hạn khác

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Vinalines Đông Bắc 1.000.000.000 VND, tương đương 5% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã góp đủ vốn theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

11. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Là dự phòng cho khoản đầu tư vào công ty TNHH Vinalines Honda Logistics Việt Nam

Tình hình biến động dự phòng trong năm như sau:	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	3.494.320.590	-
Trích lập dự phòng bổ sung	893.402.277	3.494.320.590
Hoàn nhập dự phòng	(42.306.096)	-
Số cuối năm	4.345.416.771	3.494.320.590

12. Chi phí trả trước dài hạn

Là giá trị CCDC chờ phân bổ	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	244.574.184	172.139.100
Phát sinh tăng	548.599.822	353.131.473
Kết chuyển vào chi phí SXKD	(338.342.367)	(280.696.389)
Số cuối năm	454.831.639	244.574.184

CÔNG TY CỔ PHẦN VINALINES LOGISTICS – VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng R05, lầu 4, Tòa nhà Ocean Park, số 01 Đào Duy Anh, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Tài sản dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ký quỹ, ký cược dài hạn	750.000.000	6.700.000.000
<i>Kho bạc nhà nước tỉnh Lào Cai</i>	-	5.000.000.000
<i>Chi nhánh Công ty TNHH Maersk VN tại Hải Phòng</i>	-	1.200.000.000
<i>Văn phòng đại diện Công ty TNHH Mitsui O.S.K Lines (VN)</i>	700.000.000	500.000.000
<i>Đặt cọc thuê nhà cho bà Nguyễn Thị Lan</i>	50.000.000	-
Cộng	750.000.000	6.700.000.000

14. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	50.057.577.931	-
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân</i>	29.220.180.137	-
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Đô</i>	6.432.657.922	-
<i>Ngân hàng TMCP Quốc tế</i>	14.404.739.872	-
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.21)	2.063.826.085	7.525.087.266
Cộng	52.121.404.016	7.525.087.266

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số kết chuyển	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	-	124.443.556.704	-	(74.385.978.773)	50.057.577.931
Vay dài hạn đến hạn trả	7.525.087.266	-	2.063.826.085	(7.525.087.266)	2.063.826.085
Cộng	7.525.087.266	124.443.556.704	2.063.826.085	(81.911.066.039)	52.121.404.016

15. Phải trả người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các nhà cung cấp dịch vụ vận tải chủ yếu	58.400.755.399	10.046.453.030
Phải trả các nhà cung cấp do phòng Thương mại Dịch vụ phụ trách	21.786.680	-
Phải trả các nhà cung cấp khác	13.099.115.394	12.062.054.857
Cộng	71.521.657.473	22.108.507.887

16. Người mua trả tiền trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Khách hàng nội địa ứng trước	681.894.928	691.015.639
Khách hàng lẻ ứng trước	-	64.640.000
Cộng	681.894.928	755.655.639

CÔNG TY CỔ PHẦN VINALINES LOGISTICS – VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng R05, lầu 4, Tòa nhà Ocean Park, số 01 Đào Duy Anh, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa (*)	34.792.624	1.065.035.784	(1.094.465.930)	5.362.478
Thuế xuất, nhập khẩu	-	1.576.914.179	(1.576.914.179)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.176.327.468	3.174.882.269	(3.248.983.735)	1.102.226.002
Thuế thu nhập cá nhân	70.019.821	187.831.980	(188.439.498)	69.412.303
Thuế môn bài	-	167.789.407	(107.532.285)	60.257.122
Thuế nhà thầu	-	7.000.000	(8.000.000)	(1.000.000)
Lệ phí bến bãi	-	24.835.685.100	(24.835.685.100)	-
Thuế bị phạt nộp chậm truy thu	-	219.671.919	(219.671.919)	-
Cộng	1.281.139.913	31.234.810.638	(31.279.692.646)	1.236.257.905

(*) Chi tiết số dư thuế GTGT tại Văn phòng và các chi nhánh

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế GTGT nộp thừa tại Văn phòng Hà Nội	(33.159.454)	(1.081.316)
Thuế GTGT phải nộp tại Chi nhánh Hải Phòng	38.521.932	-
Thuế GTGT phải nộp tại Chi nhánh Hồ Chí Minh	-	35.873.940
Cộng	5.362.478	34.792.624

Thuế nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng xuất khẩu là 0%, hàng tiêu thụ và các dịch vụ cung cấp trong nước là 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	13.522.639.724	11.624.358.658
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	456.457.306	1.529.099.326
- Các khoản điều chỉnh tăng	456.457.306	1.529.099.326
+ Các khoản chi phí không được trừ	456.457.306	199.148.000
+ Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện do đánh giá lại các khoản tiền và phải thu cuối năm trước	-	1.329.951.326
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	13.979.097.030	13.153.457.984
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	3.075.401.347	3.288.364.496
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	-	-
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	3.075.401.347	3.288.364.496

CÔNG TY CỔ PHẦN VINALINES LOGISTICS – VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng R05, lầu 4, Tòa nhà Ocean Park, số 01 Đào Duy Anh, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

18. Chi phí phải trả

Là chi phí lãi vay phải trả.

19. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	-	64.730.330
Kinh phí công đoàn	18.323.751	23.694.788
Phải trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	354.000.000	333.000.000
Phải trả thuế thu nhập cá nhân của lái xe container	249.808.579	227.377.260
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	6.275.649.962	7.249.609.962
Tiền điện phải trả Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	-	55.111.909
Các khoản phải trả khác	208.992.989	134.072.314
Cộng	<u>7.106.775.281</u>	<u>8.087.596.563</u>

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Giảm khác(*)</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	-	450.000.000	(450.000.000)	-	-
Quỹ phúc lợi	-	550.000.000	(509.848.000)	(40.152.000)	-
Cộng	-	<u>1.000.000.000</u>	<u>(959.848.000)</u>	<u>(40.152.000)</u>	-

(*) Giảm khác: kết chuyển bù trừ quỹ phúc lợi phải thu đang theo dõi trên chi tiêu "Phải thu khác"

21. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân ^(a)	7.652.173.915	-
Ngân hàng TMCP Quốc tế ^(b)	4.584.000.000	-
Cộng	<u>12.236.173.915</u>	-

^(a) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân theo Hợp đồng tín dụng số 01/TH/2014/VCB.TX-VNLL tháng 10 năm 2014 với mục đích "thanh toán một phần tiền đầu tư đội xe vận chuyển Container miền Bắc theo hợp đồng mua bán số 03/2014/VNLL-MBTB ngày 11/09/2014 và 03/2014/VNLL-MBTB ngày 19/09/014". Thời hạn khoản vay là 72 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu tiên. Lãi suất cho vay theo thỏa thuận giữa Bên vay và Bên cho vay trong từng giai đoạn. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

^(b) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Quốc tế theo Hợp đồng tín dụng số 141114/HĐTD-VINALINES LOGISTICS ngày 14 tháng 11 năm 2014 với mục đích "đầu tư mua 04 xe ô tô đầu kéo và 04 sơ mi rơ moóc". Thời hạn khoản vay là 72 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu tiên. Lãi suất cho vay được điều chỉnh 03 tháng/lần. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINALINES LOGISTICS – VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng R05, lầu 4, Tòa nhà Ocean Park, số 01 Đào Duy Anh, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn

	Tổng nợ	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	8.800.000.000	1.147.826.085	7.652.173.915	-
Ngân hàng TMCP Quốc tế Cộng	5.500.000.000	916.000.000	4.584.000.000	-
	14.300.000.000	2.063.826.085	12.236.173.915	-

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính như sau:

	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	Ngân hàng TMCP Quốc tế	Cộng
Số đầu năm	-	-	-
Số tiền vay phát sinh	8.800.000.000	5.500.000.000	14.300.000.000
Số tiền vay đã trả	-	-	-
Kết chuyển sang nợ dài hạn đến hạn trả	(1.147.826.085)	(916.000.000)	(2.063.826.085)
Số cuối năm	7.652.173.915	4.584.000.000	12.236.173.915

CÔNG TY CỔ PHẦN VINALINES LOGISTICS – VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng R05, lầu 4, Tòa nhà Ocean Park, số 01 Đào Duy Anh, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

22. Vốn chủ sở hữu*Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	142.121.300.000	(500.000.000)	5.169.293.338	1.262.069.885	250.447.474	9.139.180.656	157.442.291.353
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	8.335.994.162	8.335.994.162
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	-	-	78.092.293	150.000.000	(703.164.330)	(475.072.037)
Chia cổ tức trong năm trước	-	-	-	-	-	(7.081.065.000)	(7.081.065.000)
Chi quỹ trong năm	-	-	-	-	(186.614.406)	-	(186.614.406)
Số dư cuối năm trước	142.121.300.000	(500.000.000)	5.169.293.338	1.340.162.178	213.833.068	9.690.945.488	158.035.534.072
Số dư đầu năm nay	142,121,300,000	(500,000,000)	5,169,293,338	1,340,162,178	213,833,068	9,690,945,488	158,035,534,072
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	-	10,447,238,377	10,447,238,377
Hoàn nhập cổ tức năm 2009 tương ứng cổ phiếu thưởng	-	-	-	-	-	25,000,000	25,000,000
Trích lập các quỹ trong năm nay	-	-	1,314,880,488	120,000,000	200,000,000	(2,634,880,488)	(1,000,000,000)
Chia cổ tức năm nay	-	-	-	-	-	(7,081,065,000)	(7,081,065,000)
Chi quỹ trong năm	-	-	-	-	(358,429,563)	-	(358,429,563)
Số dư cuối năm nay	142,121,300,000	(500,000,000)	6,484,173,826	1,460,162,178	55,403,505	10,447,238,377	160,068,277,886

CÔNG TY CỔ PHẦN VINALINES LOGISTICS -- VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng R05, lầu 4, Tòa nhà Ocean Park, số 01 Đào Duy Anh, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả như sau:

	Năm nay	Năm trước
Trả cổ tức năm trước	8.055.025.000	6.002.164.000
Tạm ứng cổ tức	-	-
Cộng	8.055.025.000	6.002.164.000

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	14.212.130	14.212.130
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	14.212.130	14.212.130
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(50.000)	(50.000)
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	14.162.130	14.162.130
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối năm này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	2.262.163.275.333	5.916.412.550.425
- <i>Doanh thu xuất nhập khẩu, hàng chuyển khẩu</i>	1.913.303.056.118	5.751.474.325.593
- <i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	348.860.219.215	164.938.224.832
Các khoản giảm trừ doanh thu:	-	-
Doanh thu thuần	2.262.163.275.333	5.916.412.550.425

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn xuất nhập khẩu, hàng chuyển khẩu	1.891.054.044.384	5.789.392.911.203
Giá vốn dịch vụ cung cấp	347.949.496.829	105.765.655.308
Cộng	2.239.003.541.213	5.895.158.566.511

CÔNG TY CỔ PHẦN VINALINES LOGISTICS – VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng R05, lầu 4, Tòa nhà Ocean Park, số 01 Đào Duy Anh, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 3 tháng	55.610.535	93.787.767
Lãi tiền cho vay, tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	450.000.000	100.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	119.859.030	312.335.252
Cộng	625.469.565	506.123.019

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	3.012.493.297	302.362.642
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	610.107.460
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	851.096.181	3.494.320.590
Cộng	3.863.589.478	4.406.790.692

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	3.545.566.008	3.007.226.637
Chi phí vật liệu quản lý	59.463.689	110.499.442
Chi phí đồ dùng văn phòng	204.938.965	192.185.100
Chi phí khấu hao TSCĐ	132.689.364	134.247.804
Thuế, phí và lệ phí	113.509.180	597.084.365
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.640.179.917	1.406.989.129
Chi phí bằng tiền khác	603.746.438	405.296.986
Cộng	6.300.093.561	5.853.529.463

6. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Phí chuyển nhượng cổ phần	600.000	1.960.000
Thu tiền bồi thường của khách hàng	-	127.562.304
Cộng	600.000	129.522.304

7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	10.447.238.377	8.335.994.162
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	10.447.238.377	8.335.994.162
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	14.162.130	14.162.130
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	738	589

CÔNG TY CỔ PHẦN VINALINES LOGISTICS – VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng R05, lầu 4, Tòa nhà Ocean Park, số 01 Đào Duy Anh, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	14.162.130	14.162.130
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại trong năm	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	14.162.130	14.162.130

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.891.318.447.038	5.619.312.989.087
Chi phí nhân công	17.022.185.918	14.498.161.876
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.554.461.004	3.555.242.784
Chi phí dịch vụ mua ngoài	330.691.285.196	262.643.320.876
Chi phí khác	717.255.618	1.002.381.351
Cộng	2.245.303.634.774	5.901.012.095.974

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch với các bên liên quan***Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan*

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương, phụ cấp và tiền thưởng	853.805.174	667.625.667

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm: các công ty liên kết, các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ, các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam – Công ty TNHH Một thành viên	Công ty mẹ
Công ty TNHH Vinalines Honda Logistics Việt Nam	Công ty liên kết

CÔNG TY CỔ PHẦN VINALINES LOGISTICS – VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng R05, lầu 4, Tòa nhà Ocean Park, số 01 Đào Duy Anh, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Trong năm Công ty phát sinh giao dịch với các bên liên quan chủ yếu là doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như chi phí bán hàng và cung cấp dịch vụ không bao gồm VAT như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam – Công ty TNHH Một thành viên</i>		
Mua hàng hóa dịch vụ trong năm (không bao gồm VAT)	1.253.929.075	1.589.415.152
Lãi tiền cho vay phải thu trong năm	-	100.000.000
Cổ tức phải chi trả trong năm	4.030.810.000	4.030.810.000
<i>Công ty TNHH Vinalines Honda Logistics Việt Nam</i>		
Doanh thu cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm	14.035.272.335	5.332.588.950

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Công ty TNHH Vinalines Honda Logistics Việt Nam</i>		
Phải thu tiền cung cấp dịch vụ trong năm	2.377.537.067	1.372.161.151
Cộng nợ phải thu	2.377.537.067	1.372.161.151
<i>Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam – Công ty TNHH Một thành viên</i>		
Phải trả tiền mua dịch vụ trong năm	1.155.654.679	1.052.339.225
Phải trả tiền điện	-	55.111.909
Phải trả tiền cổ tức	2.030.810.000	4.030.810.000
Cộng nợ phải trả	3.186.464.679	5.138.261.134

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

2. Chi phí lãi vay vốn hoá

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay vốn hoá đối với các khoản vốn vay riêng biệt	-	1.463.483.071
Chi phí lãi vay vốn hoá đối với các khoản vốn vay chung	-	-
Tổng chi phí lãi vay vốn hoá	-	1.463.483.071
Tỷ lệ vốn hóa	-	100%

3. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực kinh doanh hàng tạm nhập tái xuất, hàng chuyên khẩu.
- Lĩnh vực kinh doanh vận tải nội địa và các dịch vụ khác kèm theo.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINALINES LOGISTICS – VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng R05, lầu 4, Tòa nhà Ocean Park, số 01 Đào Duy Anh, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực kinh doanh xuất nhập khẩu, hàng chuyển khẩu	Lĩnh vực khác	Cộng
Năm nay			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.913.303.056.118	348.860.219.215	2.262.163.275.333
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.913.303.056.118	348.860.219.215	2.262.163.275.333
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	22.249.011.734	910.722.386	23.159.734.120
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(6.399.574.483)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			16.760.159.637
Doanh thu hoạt động tài chính			625.469.565
Chi phí tài chính			(3.863.589.478)
Thu nhập khác			600.000
Chi phí khác			-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(3.075.401.347)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			10.447.238.377
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác			(19.959.430.884)
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn			(5.892.803.371)
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)			(851.096.181)
Năm trước			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	5.751.474.325.593	164.938.224.832	5.916.412.550.425
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	5.751.474.325.593	164.938.224.832	5.916.412.550.425
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	5.789.392.911.203	105.765.655.308	5.895.158.566.511
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	(37.918.585.610)	59.172.569.524	21.253.983.914
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			(5.853.529.463)
Doanh thu hoạt động tài chính			15.400.454.451
Chi phí tài chính			506.123.019
Thu nhập khác			(4.406.790.692)
Chi phí khác			129.522.304
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(4.950.424)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			(3.288.364.496)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			8.335.994.162
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác			(12.858.593.839)

CÔNG TY CỔ PHẦN VINALINES LOGISTICS – VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng R05, lầu 4, Tòa nhà Ocean Park, số 01 Đào Duy Anh, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Lĩnh vực kinh doanh xuất nhập khẩu, hàng chuyển khẩu	Lĩnh vực khác	Cộng
<i>định và các tài sản dài hạn khác</i>			
<i>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</i>	-	-	(3.835.939.173)
<i>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</i>	-	-	(3.494.320.590)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực kinh doanh xuất nhập khẩu, hàng chuyển khẩu	Lĩnh vực khác	Cộng
Số cuối năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	16.241.090.530	207.099.899.400	223.340.989.930
Tài sản phân bổ cho bộ phận	37.930.511.168	6.916.022.215	44.846.533.384
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			40.657.034.493
Tổng tài sản			308.844.557.807
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	-	124.324.956.417	124.324.956.417
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			12.215.149.589
Tổng nợ phải trả			136.540.106.006
Số đầu năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	16.334.058.617	174.721.770.263	191.055.828.880
Tài sản phân bổ cho bộ phận	1.172.307.868	33.618.924	1.205.926.792
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			9.004.860.702
Tổng tài sản			201.266.616.374
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	-	30.472.747.771	30.472.747.771
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			12.758.334.531
Tổng nợ phải trả			43.231.082.302

Khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.


 T. N. H. H. *
N. O. I. O. N.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINALINES LOGISTICS – VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng R05, lầu 4, Tòa nhà Ocean Park, số 01 Đào Duy Anh, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Các khoản cho vay

Công ty cho Công ty mẹ vay tiền. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản cho vay này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.6 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Tất cả các tài sản tài chính của Công ty đều trong hạn và không bị giảm giá trị.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINALINES LOGISTICS – VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng R05, lầu 4, Tòa nhà Ocean Park, số 01 Đào Duy Anh, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (bao gồm cả lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Vay và nợ	52.121.404.016	12.236.173.915	-	64.357.577.931
Phải trả người bán	71.521.657.473	-	-	71.521.657.473
Các khoản phải trả khác	6.629.649.962	-	-	6.629.649.962
Cộng	130.272.711.451	12.236.173.915	-	142.508.885.366
Số đầu năm				
Vay và nợ	7.525.087.266	-	-	7.525.087.266
Phải trả người bán	22.108.507.887	-	-	22.108.507.887
Các khoản phải trả khác	8.082.668.424	-	-	8.082.668.424
Cộng	37.716.263.577	-	-	37.716.263.577

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty cung cấp dịch vụ hàng tạm nhập tái xuất và hàng chuyển khẩu với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

	Số cuối năm (USD)	Số đầu năm (USD)
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.527,27	15.360,57
Phải thu khách hàng	764.430,51	786.774,00
Tài sản thuần có gốc ngoại tệ	775.957,78	802.134,57

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và USD tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Công ty sẽ tăng/giảm 257.181.583 VND (năm trước tăng/giảm 337.473.869 VND) do ảnh hưởng của lỗ/lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các công cụ tài chính. Mức độ nhạy cảm

CÔNG TY CỔ PHẦN VINALINES LOGISTICS – VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng R05, lầu 4, Tòa nhà Ocean Park, số 01 Đào Duy Anh, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

đối với sự biến động của tỷ giá hối đoái năm nay giảm so với năm trước do số dư tài sản thuần có gốc ngoại tệ cuối năm giảm so đầu năm.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn, các khoản cho vay và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư ngắn hạn	-	1.053.000.000
Vay và nợ	(64.357.677.931)	(7.525.087.266)
Nợ phải trả thuần	(64.357.677.931)	(6.472.087.266)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Công ty sẽ giảm/tăng 1.003.979.776 VND (năm trước giảm/tăng 97.081.309 VND). Mức độ nhạy cảm đối với sự biến động của lãi suất năm nay thay đổi nhiều so với năm trước nguyên nhân là do số dư nợ phải trả thuần có lãi suất thả nổi của Công ty cuối năm tăng mạnh so với đầu năm.

Tài sản đảm bảo

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2014, khoản tiền gửi có kỳ hạn 1 năm tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lào Cai (Thuyết minh V.2) đang được dùng để bảo đảm cho Công ty thực hiện hoạt động kinh doanh tạm nhập tái xuất theo quy định của Nhà nước. Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2014, Công ty không nhận tài sản tài chính thế chấp từ các đơn vị khác.

5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính**Tài sản tài chính**

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.343.365.239	-	3.649.634.034	-	13.343.365.239	3.649.634.034
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	10.000.000.000	-	1.053.000.000	-	10.000.000.000	1.053.000.000
Phải thu khách hàng	66.403.236.403	-	33.347.778.362	-	66.403.236.403	33.347.778.362
Các khoản phải thu khác	45.609.622.640	-	12.633.174.350	-	45.609.622.640	12.633.174.350
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-	1.000.000.000	1.000.000.000
Cộng	136.356.224.282	-	51.683.586.746	-	136.356.224.282	51.683.586.746

CÔNG TY CỔ PHẦN VINALINES LOGISTICS – VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng R05, lầu 4, Tòa nhà Ocean Park, số 01 Đào Duy Anh, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay và nợ	64.357.577.931	7.525.087.266	64.357.577.931	7.525.087.266
Phải trả người bán	71.521.657.473	22.108.507.887	71.521.657.473	22.108.507.887
Các khoản phải trả khác	6.629.649.962	8.082.668.424	6.629.649.962	8.082.668.424
Cộng	142.508.885.366	37.716.263.577	142.508.885.366	37.716.263.577

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính: Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.

Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không có giá giao dịch của 3 công ty chứng khoán công bố. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

6. Những thông tin khác

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2013 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C tại Hà Nội

Hà Nội, ngày 14 tháng 02 năm 2015

Người lập biểu



Nguyễn Thị Kim Ngân

Phụ trách kế toán



Trần Thị Loan

Tổng Giám đốc



Mai Lê Lợi